

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh: Số báo danh: Mã đề 401

Câu 41. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cảng Nhật Lệ thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Thanh Hóa. B. Nghệ An. C. Quảng Bình. D. Hà Tĩnh.

Câu 42. Đánh bắt hải sản xa bờ ở nước ta có ý nghĩa về mặt kinh tế là

- A. bảo vệ các vùng biển và thềm lục địa.
B. khẳng định chủ quyền vùng biển, đảo.
C. khai thác hiệu quả nguồn lợi vùng biển.
D. giải quyết vấn đề việc làm cho ngư dân.

Câu 43. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng lúa lớn nhất?

- A. An Giang. B. Sóc Trăng. C. Tây Ninh. D. Cà Mau.

Câu 44. Phát triển tổng hợp kinh tế biển vùng Đông Nam Bộ diễn ra ở tỉnh

- A. Tây Ninh. B. Đồng Nai. C. Bà Rịa Vũng Tàu. D. Bình Dương.

Câu 45. Việc hình thành các vùng chuyên canh trong nông nghiệp nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

- A. Tạo ra nhiều sản phẩm xuất khẩu.
B. Phát huy những lợi thế về tự nhiên.
C. Phát triển nền nông nghiệp hàng hóa.
D. Đáp ứng yêu cầu của thị trường.

Câu 46. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây giáp biển?

- A. Hà Nam. B. Hưng Yên. C. Hải Dương. D. Thái Bình.

Câu 47. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây có ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng cao nhất?

- A. Huế. B. Quy Nhơn. C. Vinh. D. Nha Trang.

Câu 48. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết trung tâm công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nào sau đây có quy mô lớn?

- A. Huế. B. Hà Nội. C. Vinh. D. Vũng Tàu.

Câu 49. Cho bảng số liệu:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ NƯỚC NĂM 2021

Nước	Bru-nây	Cam-pu-chia	Lào	Mi-an-ma
GDP (triệu đô la Mỹ)	14 007	26 961	18 827	65 092
Dân số (triệu người)	0,4	16,8	7,5	54,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về GDP bình quân đầu người của các nước?

- A. Bru-nây cao hơn Mi-an-ma. B. Mi-an-ma cao hơn Cam-pu-chia.
C. Cam-pu-chia cao hơn Lào. D. Lào thấp hơn Mi-an-ma.

Câu 50. Cơ cấu công nghiệp theo ngành của nước ta hiện nay

- A. giảm tỉ trọng thành phần kinh tế nhà nước.
B. tăng tỉ trọng khu vực vốn đầu tư nước ngoài.
C. hình thành các khu công nghiệp tập trung.
D. tăng tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp chế biến.

Câu 51. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết dãy núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Pu Đen Đinh. B. Pu Sam Sao. C. Con Voi. D. Phu Luông.

Câu 52. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết hướng gió chính tại trạm khí tượng Nha Trang vào tháng 7 là hướng nào sau đây?

- A. Tây Bắc. B. Đông Nam. C. Đông Bắc. D. Tây Nam.

Câu 53. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông Cả chảy theo hướng nào sau đây?

A. Bắc - Nam.

B. Tây Bắc – Đông Nam.

C. Đông Bắc - Tây Nam.

D. Vòng cung.

Câu 54. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây thuộc Tây Nguyên?

A. Vĩnh Sơn.

B. Drây Hlinh.

C. Sông Hinh.

D. A Vương.

Câu 55. Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở miền núi nước ta vào mùa mưa?

A. Lũ quét.

B. Hạn hán.

C. Sương muối.

D. Ngập mặn.

Câu 56. Biện pháp sử dụng hợp lí tài nguyên đất ở vùng đồng bằng nước ta là

A. làm ruộng bậc thang.

B. thâm canh tăng vụ.

C. trồng cây theo băng.

D. đào hồ vây cá.

Câu 57. Trình độ đô thị hóa nước ta còn thấp chủ yếu là do

A. dân cư vẫn tập trung ở nông thôn.

B. vốn đầu tư ít, công nghiệp hóa chậm.

C. các đô thị phân bố không đồng đều.

D. ảnh hưởng chiến tranh và thiên tai.

Câu 58. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết điểm khai thác vàng Na Ri thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Lào Cai.

B. Bắc Kạn.

C. Lai Châu.

D. Sơn La.

Câu 59. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào trong các đô thị sau không cùng cấp phân loại?

A. Quy Nhơn.

B. Đông Hà.

C. Thanh Hóa.

D. Nha Trang.

Câu 60. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết cửa khẩu quốc tế nào sau đây thuộc vùng Đông Nam Bộ?

A. Mộc Bài.

B. Lao Bảo.

C. Xà Xía.

D. Lệ Thanh.

Câu 61. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành hóa chất, phân bón?

A. Phúc Yên.

B. Thái Nguyên.

C. Hải Phòng.

D. Hạ Long.

Câu 62. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết cây dừa được trồng ở tỉnh nào sau đây?

A. Vĩnh Long.

B. Cà Mau.

C. Kiên Giang.

D. Hậu Giang.

Câu 63. Nhà máy điện nào sau đây của nước ta sử dụng nguồn nhiên liệu từ khí?

A. Na Dương.

B. Uông Bí.

C. Phả Lại.

D. Phú Mỹ.

Câu 64. Lao động phổ thông tập trung quá đông ở khu vực thành thị nước ta sẽ

A. gây khó khăn cho bố trí, sắp xếp, giải quyết việc làm.

B. giải quyết được nhu cầu về lao động ở các đô thị.

C. tạo điều kiện thuận lợi để phát triển ngành dịch vụ.

D. có điều kiện để phát triển các ngành công nghệ cao.

Câu 65. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết vườn quốc gia nào sau đây nằm ở độ cao trên 500m?

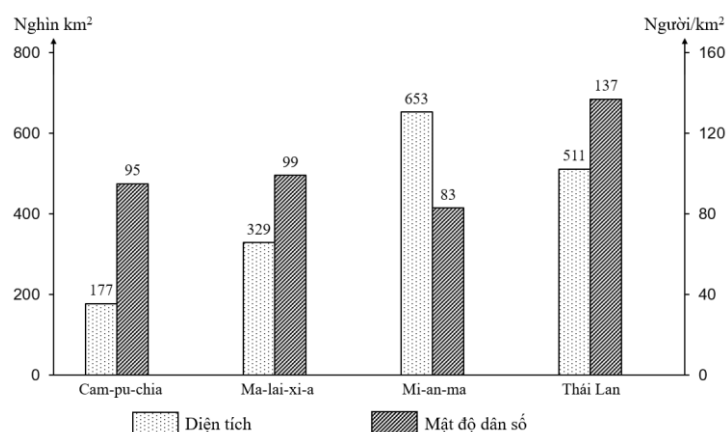
A. Hoàng Liên.

B. Xuân Thủy.

C. Cúc Phương.

D. Bến En.

Câu 66. Cho biểu đồ:



DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về số dân của một số quốc gia năm 2020?

- A. Mi-an-ma gấp hơn hai lần Ma-lai-xi-a.
- B. Thái Lan gấp hơn ba lần Ma-lai-xi-a.
- C. Thái Lan gấp hơn năm lần Cam-pu-chia.
- D. Mi-an-ma gấp hơn ba lần Cam-pu-chia.

Câu 67. Ngành lâm nghiệp nước ta có vị trí đặc biệt trong cơ cấu kinh tế của hầu hết các vùng lãnh thổ vì

- A. cung cấp nguồn củi gỗ cho người dân.
- B. chiếm tỉ trọng lớn trong GDP các vùng.
- C. $\frac{3}{4}$ diện tích đồi núi, rừng ngập mặn lớn.
- D. tạo việc làm cho đa số người lao động.

Câu 68. Mục đích chủ yếu của việc phát triển các tuyến đường ngang ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. tiền đề tạo khu kinh tế, tăng khả năng vận chuyển.
- B. tăng cường giao lưu Bắc – Nam, thu hút vốn đầu tư.
- C. thu hút vốn, phân công lao động theo lãnh thổ.
- D. mở rộng hậu phương cảng, tạo thế mở cửa cho vùng.

Câu 69. Ý nghĩa chủ yếu của phát triển trung tâm du lịch ở nước ta là

- A. khai thác tài nguyên, đáp ứng thị trường.
- B. tập trung sản xuất, thay đổi bộ mặt quốc gia.
- C. tạo ra nhiều sản phẩm, nâng cao sự hấp dẫn.
- D. hình thành các đô thị lớn, tạo thêm việc làm.

Câu 70. Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển đa dạng cơ cấu ngành kinh tế ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. phát triển kinh tế hàng hóa, tạo việc làm.
- B. mở rộng sản xuất, thu hút các nguồn đầu tư.
- C. tăng trưởng kinh tế, phát huy các thế mạnh.
- D. đáp ứng thị trường, sử dụng hợp lí tự nhiên.

Câu 71. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NĂNG LƯỢNG NƯỚC TA,
GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

Năm	2015	2018	2019	2020
Dầu thô (Nghìn tấn)	18746,0	13969,0	13090,0	11470,0
Điện (Triệu Kwh)	157949,0	209181,0	227422,7	235410,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sản lượng một số sản phẩm công nghiệp năng lượng của nước ta giai đoạn 2015 - 2020, các dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp?

- A. Kết hợp, cột.
- B. Miền, tròn.
- C. Tròn, đường.
- D. Đường, miền.

Câu 72. Khó khăn chủ yếu trong phát triển cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

- A. thiếu vốn, thiếu khoa học công nghệ, diện tích đất đai đang bị thu hẹp và bạc màu.
- B. địa hình đồi núi cao, khí hậu phân hóa đa dạng, cơ sở hạ tầng còn nhiều yếu kém.
- C. thiếu nước mùa khô, thị trường biến động, công nghiệp chế biến chậm phát triển.
- D. trình độ khoa học kỹ thuật thấp, thiếu nguồn lao động, giao thông không thuận lợi.

Câu 73. Giải pháp chủ yếu nâng cao hiệu quả ngành chăn nuôi ở nước ta là

- A. đầu tư mạnh cơ sở hạ tầng.
- B. mở rộng thị trường tiêu thụ.
- C. hình thành vùng chăn nuôi.
- D. đảm bảo đủ nguồn thức ăn.

Câu 74. Việc đề ra các biện pháp sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long nhằm mục đích chủ yếu là

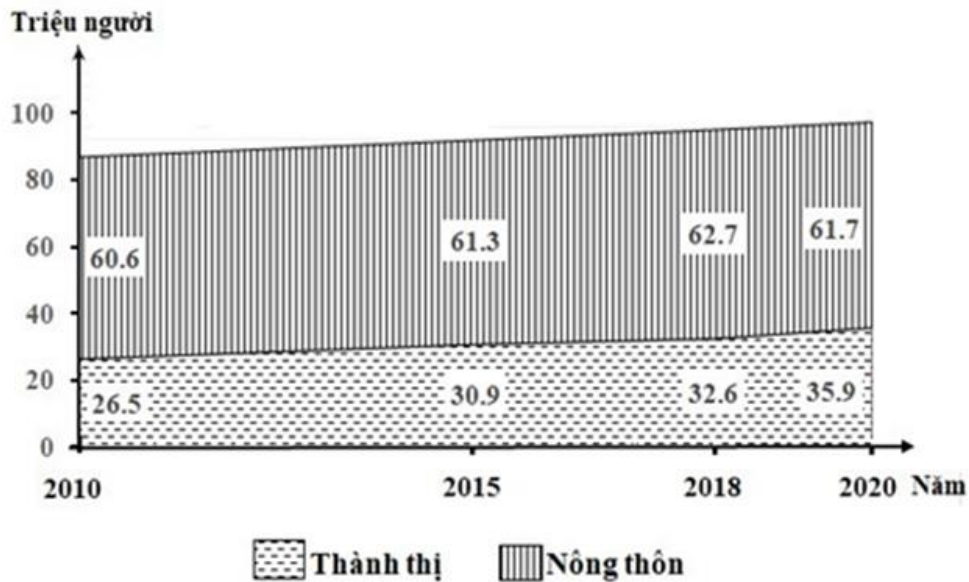
- A. chống suy thoái đất, giữ mực nước ngầm, bảo vệ sự đa dạng tài nguyên sinh vật.
- B. bảo vệ tự nhiên, ứng phó biến đổi khí hậu, duy trì nguồn lợi thủy sản ven bờ.
- C. bảo vệ rừng ngập mặn, sống chung với lũ, khai thác hiệu quả nguồn lợi thủy sản.
- D. khai thác hiệu quả thế mạnh, khắc phục khó khăn tự nhiên, phát triển lâu dài.

Câu 75. Hoạt động viễn thông nước ta hiện nay

- A. phát triển đồng đều tất cả các vùng.
- B. xuất hiện các loại hình dịch vụ mới.
- C. chỉ có cơ sở tại các thành phố.

D. có trình độ công nghệ rất cao.

Câu 76. Cho biểu đồ về dân số nước ta giai đoạn 2010 – 2020



Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê 2021.

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Chuyển dịch cơ cấu dân số thành thị và nông thôn.
- B. Tốc độ gia tăng dân số thành thị và nông thôn.
- C. Sự biến động quy mô dân số thành thị và nông thôn.
- D. Quy mô và cơ cấu dân số thành thị và nông thôn.

Câu 77. Điểm giống nhau về đặc điểm tự nhiên của khu vực đồng bằng ven biển Duyên hải Nam Trung Bộ với Bắc Trung Bộ là

- A. sông dốc có trữ năng thủy điện lớn, gió Phơn khô nóng, đồng bằng chia cắt.
- B. nhiệt độ trung bình năm cao, biên độ nhiệt năm thấp, vị trí tiếp giáp biển.
- C. đất cát pha, khí hậu khô nóng, ảnh hưởng lớn của bão, áp thấp nhiệt đới.
- D. khí hậu có một mùa đông lạnh, ảnh hưởng của gió đông bắc, đất cát pha.

Câu 78. Giải pháp chủ yếu để phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng ở Bắc Trung Bộ là

- A. đào tạo lao động, thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, khai thác tiềm năng.
- B. thu hút đầu tư nước ngoài, nâng cao trình độ lao động, khai thác hợp lí tài nguyên.
- C. thu hút đầu tư, phát triển thị trường, tăng cường cơ sở vật chất - kĩ thuật.
- D. đầu tư cơ sở hạ tầng, thu hút nguồn lao động, đẩy nhanh khai thác tài nguyên.

Câu 79. Lãnh thổ trải dài trên nhiều vĩ độ đã làm cho nước ta có

- A. khí hậu và sinh vật phân hóa theo vĩ độ.
- B. hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh trong năm.
- C. biên độ nhiệt tăng dần từ Bắc vào Nam.
- D. địa hình phân hóa theo chiều Bắc – Nam.

Câu 80. Khai thác than ở Trung du và miền núi Bắc Bộ nhằm mục đích chủ yếu là

- A. tạo nguyên liệu cho ngành luyện kim, đẩy nhanh sự phát triển cảng biển.
- B. tạo ra nhiều việc làm, phục vụ nhu cầu sử dụng chất đốt của người dân.
- C. thúc đẩy các ngành sản xuất, tăng nguồn thu nhập cho người lao động.
- D. cung cấp nhiên liệu cho nhà máy nhiệt điện, tạo nguồn hàng xuất khẩu.

----- **HẾT** -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Đề/câu	401	403	405	407	409	411	413	415	417	419	421	423
41	C	A	D	D	D	B	B	B	D	A	B	D
42	C	A	B	B	C	B	A	D	B	C	B	C
43	A	C	D	C	D	C	B	B	A	D	A	B
44	C	D	D	D	B	D	D	D	B	D	C	A
45	C	A	D	D	B	C	D	A	A	C	A	C
46	D	A	D	C	C	C	C	B	B	A	C	A
47	A	C	D	C	D	B	A	C	D	A	A	A
48	D	A	B	B	C	D	A	A	B	C	D	C
49	A	A	A	A	A	B	C	C	D	B	A	B
50	D	A	A	A	C	B	D	A	C	C	B	C
51	C	D	D	B	A	C	D	B	B	A	C	A
52	B	C	D	C	D	B	A	B	D	C	D	A
53	B	B	D	A	A	A	A	B	B	D	C	D
54	B	D	C	C	C	A	A	A	A	B	B	B
55	A	A	B	B	D	D	A	D	A	C	A	C
56	B	A	D	B	B	B	D	D	D	C	A	D
57	B	A	D	C	A	C	B	C	D	D	C	A
58	B	B	B	D	C	C	B	D	D	D	C	D
59	B	C	C	D	D	A	A	B	A	B	C	D
60	A	A	C	C	A	A	B	C	B	C	C	A
61	A	C	B	D	C	D	B	A	B	C	A	A
62	B	B	B	A	D	B	A	A	D	B	D	B
63	D	B	C	B	C	A	D	C	C	D	A	D
64	A	B	A	A	C	A	D	D	A	D	D	C
65	A	A	A	C	A	B	A	A	C	D	B	C
66	D	C	D	C	C	D	D	A	D	A	A	A
67	C	C	D	D	A	A	B	A	C	A	C	C
68	D	A	C	C	B	C	B	D	C	A	B	C
69	A	C	A	D	A	B	D	D	A	B	D	C
70	C	A	D	A	B	C	D	B	C	B	B	C
71	A	A	B	B	B	A	D	C	B	A	B	A
72	C	A	D	D	B	B	D	D	B	A	C	A
73	B	C	C	C	B	D	C	D	D	B	A	D
74	D	C	A	B	D	C	A	A	B	C	D	A
75	B	C	D	C	A	D	B	D	C	D	A	C
76	C	A	C	C	C	D	A	D	A	B	B	B
77	C	A	C	D	B	A	D	B	A	D	A	A
78	C	C	C	C	C	D	B	D	A	A	D	B
79	A	B	A	C	A	B	B	C	C	B	C	A
80	D	C	A	D	B	A	A	C	D	D	C	B